

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13-7-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo

Ông Phan Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Anh Dương Văn G, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị V trình bày:

Chị Dương Thị V chung sống với anh Dương Văn G từ ngày 09/11/1995 (âm lịch) không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau không hạnh phúc nguyên nhân là do anh Dương Văn G thường xuyên say rượu và bạo lực gia đình vì thế mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra không thể hòa giải. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay chị Dương Thị V đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị được ly hôn với anh Dương Văn G, không công nhận chị V và anh Dương Văn G là vợ chồng.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Dương Văn S, sinh ngày 13/8/1997 và Dương Thị X, sinh ngày 16/9/1999; hiện nay các cháu đã trưởng thành chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Dương Văn G mặc dù vẫn cư trú tại địa phương, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh Dương Văn G vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng mà không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Dương Văn G không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dương Thị V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Dương Thị V đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Dương Văn G vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận chị Dương Thị V và anh Dương Văn G là vợ chồng. Về con chung: Có hai người con chung tên là Dương Văn S, sinh ngày 13/8/1997 và Dương Thị X, sinh ngày 16/9/1999; hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Dương Thị V khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Văn G có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã V, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ

án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Dương Văn G vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Văn G là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị V và anh Dương Văn G chung sống với nhau và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 1995. Chị Dương Thị V cho rằng vợ chồng chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình giải quyết vụ án anh Dương Văn G vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng tại Tòa án, ngày 01/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành lấy lời khai anh Dương Văn G tại nhà anh G thuộc thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, anh G cho rằng vợ chồng anh chị kết hôn từ năm 1995 trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương tuy nhiên không đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn nguyên nhân do thường xuyên cãi nhau chị V đi làm ăn xa ban đầu vẫn về thăm gia đình sau đó được một thời gian không biết lý do tại sao không về nữa, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh G không nhất trí vì lý do chị V tự bỏ nhà đi anh G không đuổi chị V. Ngày 01 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B. Kết quả xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã V, huyện B cho biết qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B từ trước đến nay, không có trường hợp đăng ký kết hôn của chị Dương Thị V với anh Dương Văn G. Vì vậy, chị Dương Thị V và anh Dương Văn G không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và xác minh với trưởng thôn B, xã V ông Nguyễn Văn Q cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh G có mâu thuẫn vợ chồng năm 2016 ông có được chị V gọi điện thoại báo để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, chính quyền thôn có đến giải quyết hòa giải nhưng không lập biên bản.

[4] Theo khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; ... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định trên và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986, không công nhận chị Dương Thị V và anh Dương Văn G là vợ chồng.

[5] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án thu thập tài liệu chứng cứ chị Dương Thị V và anh Dương Văn G đều trình bày có hai người con chung tên là Dương Văn S, sinh ngày 13/8/1997 và Dương Thị X, sinh ngày 16/9/1999. Khi ly hôn chị Dương Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết vì các con đã đến tuổi trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án anh Dương Văn G trình bày có hai người con chung tên là Dương Văn S, sinh ngày 13/8/1997 và Dương Thị X, sinh ngày 16/9/1999. Trường hợp phải ly hôn anh Dương Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết vì các con đã đến tuổi trưởng thành; về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có, tại phiên tòa anh Dương Văn G vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Dương Thị V là có căn cứ, phù hợp với quy định của luật hôn nhân gia đình các cháu Dương Văn S, sinh ngày 13/8/1997 và Dương Thị X, sinh ngày 16/9/1999 hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Dương Thị V và anh Dương Văn G trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết và tại phiên tòa anh Dương Văn G vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thị V và anh Dương Văn G trình bày là không có và tại phiên tòa anh Dương Văn G vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị V và anh Dương Văn G là vợ chồng.

2. Về con chung: Có hai người con chung tên là: Dương Văn S, sinh ngày 13/8/1997 và Dương Thị X, sinh ngày 16/9/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Dương Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị V đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002689 ngày 04/03/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị V có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Dương Văn G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Đức

